

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ- ST
Ngày 23/7/ 2024
V/v “ Ly hôn, giải quyết việc nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vi Văn Tiếp và ông Võ Đức Tùng

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về yêu cầu “ Ly hôn, giải quyết việc nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hà Thị C - sinh năm 1996

Địa chỉ: làng D - xã N - huyện N- tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Hoàng Ngọc Đ - sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: làng D - xã N - huyện N- Tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số N, thuộc tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc Đ kết hôn với nhau vào 18 tháng 4 năm 2014 tại ủy ban nhân dân xã X - huyện N - tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hiểu và không tôn trọng nhau dẫn đến mất tình cảm, trong cuộc sống anh Đ không có trách nhiệm với gia đình và đã vi phạm pháp luật hiện đang đi

chấp hành án. Chị **C** không còn tình cảm với anh **D** nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh **Hoàng Ngọc Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Hoàng Ngọc Đ** có hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và **Hoàng Ngọc N1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2016. Chị **C** có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh **Hoàng Ngọc Đ**:*

Quá trình giải quyết vụ án do anh **D** đang chấp hành án tại **trại giam N2** thuộc tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn đã uỷ thác lấy lời khai và giao các giấy tờ tài liệu cho anh **Hoàng Ngọc Đ**.

Tại bản tự khai: anh **Hoàng Ngọc Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Hà Thị C** kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 4 năm 2014. Quá trình chung sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh hoàn toàn nhất trí và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **Hà Thị C**.

Về con chung: anh và chị **Hà Thị C** có hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và **Hoàng Ngọc N1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2016. Anh **D** đồng ý nhường cho chị **C** quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh **Hoàng Ngọc Đ** vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị **C** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn giữa chị và anh **D** đã thực sự trầm trọng, bản thân không còn tình cảm với anh **D** và yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hà Thị C** là cho ly hôn với anh **Hoàng Ngọc Đ**; Việc nuôi con: chị **Hà Thị C** và anh **Hoàng Ngọc Đ** có hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và **Hoàng Ngọc N1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2016. Đề nghị hội đồng xét xử giao hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N** và **Hoàng Ngọc N1** cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **D** do chị **C** không yêu cầu; Về án phí: Nguyên đơn chị **Hà Thị C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị **Hà Thị C** có nơi cư trú tại **làng D - xã N - huyện N- tỉnh Nghệ An** yêu cầu ly hôn với anh **Hoàng Ngọc Đ** là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **làng D - xã N - huyện N- Tỉnh Nghệ An**. Hiện nay đang đi chấp hành án do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh **Hoàng Ngọc Đ** có hộ khẩu thường trú tại **làng D - xã N - huyện N- tỉnh Nghệ An**, hiện đang chấp hành án. Quá trình thu thập chứng cứ anh **Đ** đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 điều 227; điểm b khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Hà Thị C** và anh **Hoàng Ngọc Đ** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại **ủy ban nhân dân xã X - huyện N - tỉnh Thanh Hóa** là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, quá trình chung sống anh **Đ** không lo tu chí làm ăn, vi phạm pháp luật từ đó chị **C** không còn tình cảm với anh **Đ** nữa, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hà Thị C**.

2.2. Về con chung: chị **Hà Thị C** và anh **Hoàng Ngọc Đ** có hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và **Hoàng Ngọc N1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2016. Chị **C** có nguyện vọng được nuôi con, anh **Đ** hiện đang chấp hành án không đủ điều kiện và khả năng nuôi con nên đồng ý để cho chị **C** nuôi con. Các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là **Hoàng Thị Thanh N** và **Hoàng Ngọc N1** cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Hà Thị C** và anh **Hoàng Ngọc Đ** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị **Hà Thị C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 227, điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hà Thị C**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Hà Thị C** ly hôn với anh **Hoàng Ngọc Đ**.

2. Việc nuôi con: Giao hai con chung là **Hoàng Thị Thanh N**, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và **Hoàng Ngọc N1**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2016 cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Đ** do chị **C** không yêu cầu.

Anh **Hoàng Ngọc Đ** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị **Hà Thị C** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012336 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

4. Nguyên đơn chị **Hà Thị C** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Hoàng Ngọc Đ** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND h. Nghĩa Đàn
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã X - h.N- Thanh Hoá (nơi ĐKKH).
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

